TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Lành

Ông Đặng Văn Chiểu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 384/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bảo N, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp Cái Tràm B, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh Hà Tuấn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Tường Thắng B, xã Vĩnh Thanh, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

(*Chị Lê Thị Bảo N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hà Tuấn L vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Hà Tuấn L kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đã được UBND xã Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng giữa chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân

không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Hà Tuấn L.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Hà Lê Anh Khoa, sinh ngày 08/02/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Khoa. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Hà Tuấn L đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị N và anh L chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng đã mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên việc chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Hà Lê Anh Khoa, sinh ngày 08/02/2016, hiện nay cháu Khoa đang sống cùng chị N nên tiếp tục giao cháu Khoa cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định đều không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Bảo N yêu cầu ly hôn với anh Hà Tuấn L, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Tuấn L cư trú tại ấp Tường Thắng B, xã Vĩnh Thanh, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hà Tuấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N, anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và sống lâu dài cùng nhau nữa, việc kéo dài cuộc sống hôn nhân chỉ làm mối quan hệ vợ chồng chị càng trở nên căng thẳng hơn. Đối với anh Hà Tuấn L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh L đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không có mặt, anh L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh L không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3.2] Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống, chị và anh L có 01 người con chung tên Hà Lê Anh K, sinh ngày 08/02/2016, hiện nay cháu Khoa đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu Khoa cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, Chị N có thu nhập ổn định, cháu Khoa hiện đang sống chung với chị N và cháu Khoa có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với mẹ. Việc cháu Khoa sống với chị N từ trước đến nay vẫn đảm bảo bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu K cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Chị N xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Bảo N yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Bảo N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Bảo N ly hôn với anh Hà Tuấn L.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Lê Anh K, sinh ngày 08/02/2016 cho chị Lê Thị Bảo N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu Khoa đang sống chung cùng chị N). Anh Hà Tuấn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bảo N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung:Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005530 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh L